

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **10/2025/HS-ST**

Ngày: 21/02/2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Thanh Sang**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Đoạt**

Ông **Cao Minh Trung**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Diệp** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Thu Hà** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14, 21 0tháng 02 năm 2025. Tại trụ sở TAND huyện Hòn Đất, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 106/2025/TLST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HS ngày 23/01/2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Q, sinh ngày 24/4/1999; Tên gọi khác: không; Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: tổ 7, ấp H, xã N, huyện H, tỉnh K; Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1973 và bà Dương Thị N, sinh năm 1974; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đã bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo lệnh số 336/LC-CSĐT-ĐTTH ngày 30/9/2024 cho đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Bị hại: Ông **Phan Văn K**, sinh năm 2001 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 4, ấp H, xã N, huyện H, tỉnh K.

Người làm chứng:

- Ông **Phan Tuyên K**, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Địa chỉ: khóm 6, thị trấn T, huyện T, tỉnh A.

- Ông **Huỳnh Châu T**, sinh năm 1998 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 4, ấp H, xã N, huyện H, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ 10 phút ngày 07/6/2024, Nguyễn Văn Q ngụ tại tổ 7, ấp Ho, xã N, huyện H, tỉnh K nhìn thấy chiếc xe mô tô 68M4 - 0630 của Phan Văn K đang đậu ở bờ ruộng kênh Nam Thái- An Giang, Q đứng quan sát 15 phút không thấy ai liền nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trong cốp xe. Q đi đến chỗ chiếc xe đang đậu, dùng tay trái nâng yên xe lên, tay phải đưa vào trong cốp xe tìm kiếm tài sản để trộm cắp. Q sờ thấy 01 chiếc điện thoại và đã lấy điện thoại ra khỏi cốp xe và mang về nhà. Đến khoảng 02 giờ 00 phút ngày 08/6/2024 do nghi ngờ Q lấy trộm điện thoại của mình anh Phan Văn K – ngụ tại tổ 7, ấp Hòa Tiên, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, cách nhà Q 100m cùng với Huỳnh Châu T và Phan Tuyên K đi qua gọi cửa hỏi Q có lấy điện thoại của K hay không, nếu có thì cho K chuộc lại, Q nói “không lấy”, K nói “Nếu mày có lấy thì trả lại cho tao, tao đưa cho mày tiền để xài” thì Q đồng ý. K nhờ người chở về nhà mang 5.000.000đ (Năm triệu đồng) sang đưa cho Q, khi nhận tiền xong Q nhờ K chở xuống cầu dây Kênh Tur - thuộc xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Tại đây, Q lấy chiếc điện thoại giấu trong người trả cho K thì bị lực lượng công an xã Nam Thái Sơn mời về trụ sở làm việc, tại trụ sở công an xã Q đã thừa nhận hành vi trộm cắp chiếc điện thoại của mình.

* Tại bản kết luận định giá tài sản số: 14/KL-HĐĐGTS ngày 23/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Hòn Đất, kết luận:

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Apple iPhone 11 Pro; màu đen – xám ; Kích thước màn hình: 5.8 inch, độ phân giải 1125 x 2436; Chipset: Apple A13 Boinich; hệ điều hành: iOS 13; Thông số bộ nhớ: Ram 4GB, bộ nhớ trong 64GB; số máy MWCH2LL/A, số sê ri: DNP2K20CN6XM, đã qua sử dụng có giá trị là 8.000.000đ (Tám triệu đồng). (Bút lục số: 35).

Tại Cáo trạng của Viện kiểm sát số: 09/CT-VKS-HĐ ngày 27/12/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q về tội

“Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

* Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội danh và điều luật, đồng thời phân tích, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- *Về hình phạt:* Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn Q** từ **09 tháng đến 12 tháng tù**.

- *Về hình phạt bổ sung:* Đề nghị Hội đồng không áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 173 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 cho bị cáo Nguyễn Văn Q.

- *Việc thu giữ đồ vật, tài liệu trong quá trình điều tra và xử lý:*

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Apple iPhone 11 Pro; màu đen - xám; Kích thước màn hình: 5.8 inch, độ phân giải 1125 x 2436; Chipset: Apple A13 Bionic; hệ điều hành: iOS 13; Thông số bộ nhớ: Ram 4GB, bộ nhớ trong 64GB; số máy MWCH2LL/A, số sê ri: DNP2K20CN6XM, đã qua sử dụng.

- 10 (mười) tờ polime, mỗi tờ mệnh giá 500.000 đồng, tổng cộng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòn Đất đã trả lại cho ông Phan Văn K nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Ông Phan Văn K đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

- *Về án phí:* Đề nghị buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

* Bị cáo Nguyễn Văn Q khai nhận hành vi phạm tội của mình là đúng như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như nội dung bản cáo trạng mà vị đại diện Viện kiểm sát đã công bố tại Tòa.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Hòn Đất, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Khoảng 22 giờ 10 phút ngày 07/06/2024 tại tổ 7, ấp Hòa Tiến, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, Nguyễn Văn Q đã bằng hành vi lén lút, bí mật lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của ông Phan Văn K, để xe và tài sản trong cốp xe nhưng không có người trông coi, Q đã dùng tay nâng yên xe lên để lấy trộm 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Apple iPhone 11 Pro; màu đen - xám trị giá 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) sau đó bị phát hiện, bắt giữ. Do đó, hành vi của bị cáo có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Như kết luận của Viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Tội phạm do bị cáo thực hiện là ít nghiêm trọng. Do muốn có tiền tiêu sài nên khi nhìn thấy chiếc xe mô tô không có người trong coi bị cáo đã lén lút từ nhà bị cáo đi lại chiếc xe và dùng tay để nâng yên xe lên lấy trộm được một điện thoại di động nhãn hiệu Apple iPhone 11 Pro.

Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Khi thực hiện hành vi, bị cáo là người đã trưởng thành đủ tuổi và đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì bản tính tham lam, muốn tư lợi bất chính có tiền tiêu xài nhưng không bỏ công sức lao động và nhất là thái độ xem thường pháp luật nên bị cáo đã cố ý lén lút thực hiện hành vi phạm tội.

Hành vi bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của cá nhân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự trị an, an toàn xã hội, với thủ đoạn, động cơ, mục đích phạm tội. Do đó cần phải xử lý nghiêm, có hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo nhằm giáo dục các bị cáo, giáo dục chung cho

xã hội và cần thiết cách ly khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng được quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình Sự. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn và không có tài sản, thu nhập ổn định do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo quy định tại khoản 5 Điều 173 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 cho bị cáo Nguyễn Văn Q.

[6] Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát: Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tại phiên tòa về việc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Các vấn đề khác:

* *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại Phan Văn K đã nhận lại tài sản và tại phiên tòa, anh Khải không yêu cầu bị cáo Quyền bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xét.

* *Về xử lý vật chứng:* Không có nên Hội đồng xét xử không xét.

* *Về án phí:* Buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

* *Đòi với số tiền 5.000.000 đồng bị cáo nhận của bị hại xét thấy không có dấu hiệu tội phạm công an đã trả lại cho bị hại xong nên Hội đồng xét xử không xét.*

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn Q** phạm tội: “**Trộm cắp tài sản**”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Q 09 (chín)** tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi Nhận:

- TAND Tỉnh KG;
- VKS H.Hòn Đất;
- Chi cục THADS H.Hòn Đất;
- Công an H.Hòn Đất;
- Sở Tư Pháp;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thanh Sang

